TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **477**/2018/QĐST-HNGĐ	Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; 58; 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 585/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2018 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây :

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1957.

- Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1962.

Cùng hộ khẩu thường trú và nơi ở: Phòng 207 G23 tập thể T, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Kim V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có qua tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận B, thành phố Hà Nội vào ngày 26/11/1985, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Kim V yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trở lên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thánh

ngày 17 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Kim V có 02 con chung là: Phạm Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 07/3/1996 và Phạm Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 07/11/1997

Các con chung đã thành niên, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nhà ở chung : Hai bên xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về các vấn đề khác: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về Lệ phí Tòa án: Ông Phạm Xuân T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Kim V

- **Về con chung**: Ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị Kim V có 02 con chung là: Phạm Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 07/3/1996 và Phạm Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 07/11/1997

Các con chung đã thành niên, nên Tòa không xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** Hai bên xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các vấn đề khác**: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Ông Phạm Xuân T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí LHST, được trừ vào tiền dự phí đã nộp theo biên lai số 0005002 ngày 18/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND quận B;
- Chi cục THA DS quận B;
- TAND thành phố Hà Nội;
-UBND Phường N,
quận B, thành phố Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B
Thẩm phán

Nguyễn Thị Thu Trang